

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ Y TẾ

Số: 3293 /KH - SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 11 năm 2019

KẾ HOẠCH

Kiểm tra công tác Y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, dân số KHHGD, kiểm nghiệm, pháp y và giám định y khoa năm 2019

Thực hiện Công văn số 921/DP-YTCC ngày 31/10/2019 của Cục Y tế dự phòng – Bộ Y tế về việc hướng dẫn kiểm tra Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh năm 2019; Kế hoạch hành động số 01/KH-SYT ngày 02/01/2019 của Sở Y tế về việc thực hiện Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Để đánh giá kết quả hoạt động công tác Y tế dự phòng, Kiểm tra công tác Y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, dân số KHHGD, kiểm nghiệm, pháp y và giám định y khoa năm 2019; Sở Y tế xây dựng kế hoạch kiểm tra, cụ thể như sau:

1. Mục đích kiểm tra

Đánh giá chất lượng và hiệu quả các hoạt động chuyên môn công tác Y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, dân số KHHGD, kiểm nghiệm, pháp y và giám định y khoa và thực hiện các quy định của Nhà nước về Y tế dự phòng;

Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch hành động số 01/KH-SYT ngày 02/01/2019 của Sở Y tế về lĩnh vực Y tế dự phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm, dân số KHHGD, kiểm nghiệm, pháp y và giám định y khoa, việc thực hiện 10 nội dung yêu cầu của Giám đốc Sở Y tế với công tác Y tế dự phòng năm 2019.

2. Yêu cầu

Các đơn vị được đánh giá khách quan, trung thực, đạt hiệu quả.

3. Đối tượng, nội dung kiểm tra

3.1. Đối tượng kiểm tra

Tất cả các đơn vị thuộc hệ thống y tế dự phòng tuyến tỉnh, tuyến huyện và Trạm Y tế xã, phường, thị trấn;

3.2. Nội dung kiểm tra

3.2.1. Các đơn vị tuyển tỉnh

**** Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.***

Kiểm tra theo hướng dẫn kiểm tra của Cục Y tế dự phòng – Bộ Y tế tại công văn số 921/DP-YTCC ngày 31/10/2019 về việc hướng dẫn kiểm tra Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tuyển tỉnh năm 2019 (Áp dụng bảng kiểm tra theo Quyết định số 6326/QĐ-BYT ngày 24/10/2016 của Bộ Y tế; và các bảng kiểm tra công tác Chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV/AIDS theo hướng dẫn của Bộ Y tế).

**** Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.***

- Kiểm tra theo bảng điểm đánh giá công tác Dân số - KHHGD theo hướng dẫn của Tổng cục Dân số - KHHGD;

- Chỉ đạo công tác kiểm tra chéo của Chi cục Dân số - KHHGD và đơn vị bạn (đơn vị kiểm tra và đơn vị được kiểm tra) theo kế hoạch kiểm tra chéo các Chi cục Dân số - KHHGD tuyển tỉnh của Tổng cục dân số KHHGD - Bộ Y tế.

**** Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.***

- Kiểm tra theo bảng kiểm tra theo hướng dẫn của Cục An toàn vệ sinh thực phẩm;

- Chỉ đạo công tác kiểm tra chéo của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và đơn vị bạn (đơn vị kiểm tra và đơn vị được kiểm tra) theo kế hoạch kiểm tra chéo các Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tuyển tỉnh của Cục An toàn vệ sinh thực phẩm - Bộ Y tế.

**** Trung tâm Kiểm nghiệm; Trung tâm Pháp Y, Trung tâm GDYK.***

Kiểm tra theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn tuyển Trung ương, và việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, các cam kết của đơn vị với Giám đốc Sở Y tế năm 2019.

3.2.2. Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố

Kiểm tra theo Bảng chấm điểm do Sở Y tế ban hành dựa trên các hướng dẫn của Bộ Y tế đối với các chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Y tế (Theo quyết định số 1683/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa) và các mục tiêu, nhiệm vụ được Giám đốc Sở Y tế giao cho các đơn vị trong năm 2019.

(Bảng chấm điểm, gửi kèm).

3.2.3. Trạm Y tế các xã, phường, thị trấn

Kiểm tra việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ y tế tuyến xã, đánh giá hoạt động y tế xã theo bảng chấm điểm ban hành kèm theo quyết định số 4667/QĐ-BYT

ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế và việc hoàn thành các nhiệm vụ Sở Y tế, Trung tâm Y tế tuyến huyện giao.

4. Phương thức tổ chức kiểm tra.

- Các đơn vị thực hiện việc tự kiểm tra, đánh giá, kiểm tra chéo theo kế hoạch của Bộ Y tế và kiểm tra chéo giữa các đơn vị tuyến huyện theo cụm thi đua ban hành kèm theo Quyết định số 1314/QĐ-SYT ngày 13/11/2019 của Giám đốc Sở Y tế;

- Sở Y tế sẽ tham dự, ghi nhận kết quả kiểm tra chéo của các đơn vị tuyến tỉnh (nếu có). Tổ chức phúc tra, đánh giá các đơn vị tuyến tỉnh và một số đơn vị tuyến huyện sau khi các đơn vị hoàn thành tự kiểm tra và kiểm tra chéo.

- Cụ thể như sau:

4.1. Các đơn vị tuyến tỉnh.

Các đơn vị đã có kế hoạch kiểm tra chéo giữa các tỉnh của trung ương, báo cáo chương trình và kế hoạch kiểm tra về phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế trước ngày kiểm tra 05 ngày; Sở Y tế sẽ cử cán bộ tham gia và ghi nhận kết quả kiểm tra.

Các đơn vị không có kế hoạch kiểm tra chéo giữa các tỉnh; Đơn vị tổ chức tự kiểm tra, báo cáo kết quả về Sở Y tế trước ngày 05/12/2019. Cụ thể như sau:

- Thành lập Tổ/Ban kiểm tra của đơn vị gồm 7 – 9 thành viên do Lãnh đạo đơn vị làm Tổ trưởng/Trưởng ban; Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp (hoặc Hành chính tổng hợp hoặc Kế hoạch tài chính) làm thư ký; các thành viên còn lại là Chủ tịch Công đoàn; Trưởng các đoàn thể; Trưởng/phó các khoa/phòng trong đơn vị;

- Triển khai, hướng dẫn các khoa/phòng/bộ phận tự kiểm tra, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí theo chức năng, nhiệm vụ của từng khoa/phòng/bộ phận;

- Tổ/Ban kiểm tra của đơn vị tổ chức đánh giá các tiêu chí chỉ đạo điều hành chung của đơn vị và rà soát, kiểm tra, đánh giá, chấm điểm từng tiêu chí theo các hồ sơ minh chứng của các khoa/phòng/bộ phận;

- Báo cáo kết quả tự kiểm tra, đánh giá về Sở Y tế trước ngày 05/12/2019.

4.2. Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức tự kiểm tra

Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tự kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo bảng chấm điểm của Sở Y tế; Trình tự tiến hành theo các bước như sau:

- Thành lập Tổ/Ban kiểm tra của đơn vị gồm 5 – 7 thành viên do Lãnh đạo đơn vị làm Tổ trưởng/Trưởng ban; Trưởng phòng Hành chính tổng hợp làm thư ký;

các thành viên còn lại là Chủ tịch Công đoàn; Trưởng các đoàn thể; Trưởng/phó các khoa/phòng trong đơn vị;

- Triển khai, hướng dẫn các khoa/phòng/bộ phận tự kiểm tra, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí theo chức năng, nhiệm vụ của từng khoa/phòng/bộ phận;

- Tổ/Ban kiểm tra của đơn vị tổ chức đánh giá các tiêu chí chỉ đạo điều hành chung của đơn vị và rà soát, kiểm tra, đánh giá, chấm điểm từng tiêu chí theo các hồ sơ minh chứng của các khoa/phòng/bộ phận;

- Tổ/Ban kiểm tra của đơn vị tổng hợp kết quả kiểm tra chéo công tác Y tế tuyến xã;

- Báo cáo kết quả tự kiểm tra, đánh giá về Sở Y tế trước ngày 05/12/2019.

b) Kiểm tra chéo giữa các đơn vị tuyến huyện

- Đơn vị kiểm tra thành lập đoàn kiểm tra do lãnh đạo Trung tâm y tế làm trưởng đoàn, thành viên đoàn là các cán bộ chủ chốt của đơn vị, thực hiện kiểm tra theo Bảng chấm điểm do Sở Y tế ban hành. Báo cáo kết quả kiểm tra về Sở Y tế trước ngày 15/12/2019.

- Trong trường hợp đơn vị được kiểm tra, chưa hoàn thành việc kiểm tra, đánh giá y tế tuyến xã năm 2019, đơn vị kiểm tra áp dụng kết quả kiểm tra y tế tuyến xã năm 2018 của đơn vị được kiểm tra.

Phân công các đơn vị kiểm tra theo cụm huyện thi đua như sau:

(Có bảng phân công kiểm tra, kèm theo)

c) Kiểm tra đánh giá công tác y tế tuyến xã

Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, đánh giá công tác y tế tuyến xã trên địa bàn. Kế hoạch kiểm tra phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổ chức cho các đơn vị tuyến xã thực hiện tự kiểm tra, đánh giá việc hoàn thành các nhiệm vụ, kế hoạch được Trung tâm Y tế giao năm 2019 và, chấm điểm theo bảng điểm Bộ tiêu chí quốc gia về y tế, ban hành kèm theo Quyết định số 4667/QĐ- BYT ngày 07/11/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020;

- Thành lập các đoàn kiểm tra do lãnh đạo đơn vị, trưởng các khoa, phòng của Trung tâm Y tế làm trưởng đoàn, tổ chức kiểm tra chéo có sự tham gia của Trưởng Trạm Y tế theo các cụm xã, phường, thị trấn;

- Hoàn thành công tác kiểm tra trước 15/12/2019. Tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá xếp loại các Trạm Y tế làm căn cứ thực hiện công tác thi đua khen thưởng năm 2019.

5. Tổ chức thực hiện.

5.1. Phòng Nghiệp vụ Y – Sở Y tế:

- Tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm tra, thành lập đoàn kiểm tra của Sở Y tế tổ chức kiểm tra các đơn vị tuyến tỉnh và phúc tra một số đơn vị tuyến huyện ;

- Tổng hợp kết quả kiểm tra, báo cáo Giám đốc Sở Y tế, đề xuất khen thưởng các đơn vị, cá nhân có nhiều thành tích trong năm 2019.

5.2. Văn phòng – Sở Y tế:

Tham gia thành viên đoàn kiểm tra và bố trí phương tiện cho công tác kiểm tra theo kế hoạch.

5.3. Phòng Kế hoạch tài chính – Sở Y tế:

Tham gia thành viên đoàn kiểm tra và bố trí kinh phí thực hiện công tác kiểm tra theo quy định.

5.4. Các phòng, ban cơ quan Sở Y tế :

Cử cán bộ tham gia đoàn kiểm tra và phối hợp với phòng Nghiệp vụ Y tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá công tác y tế dự phòng năm 2019.

5.5. Các đơn vị y tế:

Tổ chức tự kiểm tra, kiểm tra chéo và báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm tra chéo theo nội dung kế hoạch này.

Trên đây là kế hoạch kiểm tra các đơn vị thuộc hệ thống Y tế dự phòng của Sở Y tế, yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kết quả theo đúng thời gian quy định. /

Nơi nhận:

- Các đơn vị hệ YTDP (thực hiện);
- Bộ Y tế (để BC);
- Cục YTDP (để BC);
- Cục An toàn VSTP (để BC);
- Tổng cục dân số KHHGD (để BC);
- Cục phòng chống HIV/AIDS (để BC);
- Vụ SK BM-TE (để BC);
- Lưu: VT, NVY.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Bá Cẩn

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM KIỂM TRA
(Kèm theo Kế hoạch số 3293 /KH – SYT ngày 20 /11/2019 của Sở Y tế)

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA
TRUNG TÂM Y TẾ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Kèm theo biên bản kiểm tra ngày tháng năm 2019)

Thời gian kiểm tra:

Đơn vị kiểm tra:

Đơn vị được kiểm tra:

PHẦN I: CƠ SỞ HẠ TẦNG (10 điểm)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
1	Đơn vị có hệ thống nhà xây cấp I và cấp II kiến trúc theo tiêu chuẩn xây dựng, đảm bảo đầy đủ chuyên hoạt động hợp lý: - Đảm bảo - Không đáp ứng tiêu chuẩn trên <i>* Nhà cấp I và cấp II là nhà tầng và nhà mái bằng. * Bố trí các khu vực liên hoàn về xây dựng cơ sở hạ tầng, thuận tiện cho các hoạt động YTDP: Khối hành chính, khối các khoa chuyên môn, khối tư vấn sức khỏe, khám sức khỏe, khu phụ trợ (kho tàng, chăn nuôi,...) - Kiểm tra theo nhóm tiêu chuẩn V Thông tư số 23/2005/TT-BYT...</i>	4 4 3		
2	Khoa (phòng) xét nghiệm đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế xây dựng. - Đảm bảo - Không đáp ứng tiêu chuẩn trên <i>* Theo Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 (điểm 2 nhóm tiêu chuẩn V) phân hạng y tế dự phòng</i>	3,5 3,5 2		
3	Các khu nhà không dột, không bị mốc, quét sơn hoặc vôi sạch - Đạt - Không đạt tiêu chuẩn trên <i>* Tối thiểu phải đạt được khối hành chính, các khoa phòng chuyên môn, khu xét nghiệm phải đảm bảo yêu cầu trên.</i>	0,5 0,5 0,25		
4	Có hệ thống xử lý chất thải lỏng, rắn hoặc hợp đồng với cơ quan môi trường đô thị xử lý và tiêu hủy: - Hệ thống hoàn chỉnh hoạt động tốt - Có hệ thống, có hoạt động nhưng chưa thường xuyên - Có nhưng không hoạt động hoặc không có <i>* Kiểm tra việc lưu trữ các văn bản pháp quy liên quan đến hệ thống xử lý chất thải lỏng; các biên bản kiểm tra đầu ra chất thải lỏng của cơ quan kiểm định môi trường; Kiểm tra thực tế vận hành, quan sát hệ thống xử lý chất thải lỏng.</i>	0,5 0,5 0,25 0,0		
5	Có môi trường cây xanh cảnh quan tốt, có hàng rào ngăn cách, công xây, có hệ thống cống rãnh tốt: - Có và đạt tiêu chuẩn trên - Không đạt	0,5 0,5 0,25		

	<i>* Quan sát, kiểm tra thực tế tại đơn vị</i>			
6	Có hệ thống phòng cháy - chữa cháy và nhân viên thành thạo cách sử dụng - Đạt tiêu chuẩn - Không đạt - Không có hệ thống phòng, chữa cháy, cán bộ không được tập huấn về phòng cháy, chữa cháy <i>* Kiểm tra việc lưu trữ các văn bản quy định, hướng dẫn phòng cháy, chữa cháy; các biên bản kiểm tra định kỳ của đơn vị, cơ quan phòng cháy chữa cháy; kiểm tra ngẫu nhiên thao tác của một số cán bộ như bảo vệ, cán bộ các khoa phòng... về vận hành TTB, quy định phòng cháy, chữa cháy.</i>	0,5 0,5 0,25 0,0		
7	Khu vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế: - Đạt tiêu chuẩn - Không đạt <i>*Kiểm tra thực tế: chiếu sáng, đủ nước sử dụng, thường xuyên được làm vệ sinh bảo đảm sạch sẽ. Trong nhà vệ sinh không có rác, mùi hôi, có thùng rác đạt tiêu chuẩn.</i>	0,5 0,5 0,25		
	Cộng	10		

PHẦN II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2019 (2,5 điểm)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
1	CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH	1		
	Có kế hoạch phân bổ kinh phí hoạt động thường xuyên và kinh phí các chương trình mục tiêu cho các Trạm Y tế. Kế hoạch chi tiết, khả thi và được định kỳ rà soát, kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ.	1		
	Có kế hoạch, nhưng chưa chi tiết, cụ thể, tính khả thi thấp, việc kiểm tra, giám sát đánh giá tiến độ thực hiện hạn chế	0,5		
	Không có kế hoạch phân bổ kinh phí cho các Trạm Y tế	0		
2	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2019	1,5		
	Hoàn thành 10 nội dung yêu cầu của Giám đốc Sở Y tế đối với công tác Y tế dự phòng và các cam kết của đơn vị với Giám đốc Sở Y tế	1,5		
	Hoàn thành trên 70%	1		
	Thực hiện dưới 70%	0,5		
	Cộng	2,5		

PHẦN III: CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN: (80 điểm)

I. Công tác Dân số và Truyền thông GDSK (10 điểm)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
1	CÔNG TÁC TỔ CHỨC	1		
	- Phòng có từ 4 cán bộ trở lên	1		
	- Phòng có 2 - 3 cán bộ	0,5		
	- Phòng chỉ có 1 cán bộ	0,25		

2	CƠ SỞ, TRANG THIẾT BỊ.	1		
	Phòng đẹp, ngăn nắp, có góc GDSK cập nhật thường xuyên thông tin, có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác truyền thông (Máy ảnh, loa, âm ly, micro, tài liệu truyền thông...), máy tính nối mạng, các trang thiết bị khác.	1		
	Góc truyền thông không cập nhật thông tin, thiếu các trang trang thiết bị truyền thông	0,5		
3	TÀI CHÍNH	1		
	- Đảm bảo 1-1,5% ngân sách y tế theo phân cấp	1		
	- Đảm bảo 0,5-0,9% ngân sách y tế theo phân cấp	0,75		
	- Dưới 0,5% ngân sách y tế theo phân cấp	0,5		
4	HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN	6		
4.1	Có kế hoạch, báo cáo công tác dân số, truyền thông GDSK	0,5		
	- Có xây dựng kế hoạch công tác dân số, công tác truyền thông GDSK, thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng	0,5		
	- Kế hoạch không rõ ràng, cụ thể, thực hiện báo cáo không đầy đủ.	0,25		
4.2	Có kế hoạch truyền thông chi tiết lồng ghép các chương trình mục tiêu y tế trong năm:	0,5		
	- Có kế hoạch truyền thông chi tiết lồng ghép từ 6 chương trình mục tiêu y tế trong năm trở lên	0,5		
	- Có kế hoạch truyền thông chi tiết lồng ghép dưới 6 chương trình mục tiêu y tế trong năm trở xuống	0,25		
4.3	Công tác chỉ đạo tuyên về công tác dân số và truyền thông GDSK	0,5		
	- Kiểm tra, giám sát $\geq 50\%$ Trạm y tế 2 lần/năm	0,5		
	- Kiểm tra, giám sát $< 50\%$ Trạm y tế 2 lần/năm	0,25		
4.4	Tổ chức các hoạt động truyền thông	1		
	- Thực hiện thường xuyên, đa dạng các hoạt động truyền thông: Tư vấn trực tiếp; Truyền thông nhóm; Truyền thông đại chúng...	1		
	- Có thực hiện các hoạt động truyền thông nhưng chưa thường xuyên, hình thức tổ chức chưa đa dạng, việc ghi chép, theo dõi các hoạt động truyền thông chưa đầy đủ	0,5		
4.5	Phân phối tài liệu truyền thông	0,5		
	- Số nhận tài liệu truyền thông	0,2		
	- Số phân phối tài liệu truyền thông	0,2		
4.6	Thực hiện các chỉ tiêu công tác dân số KHHGD: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện đạt được các chỉ tiêu dân số, KHHGD đạt 3 điểm (Không xây dựng kế hoạch hoặc thực hiện không đạt chỉ tiêu, mỗi chỉ tiêu không đạt trừ 0,5 điểm):	3		
	Chỉ tiêu giảm tỷ lệ sinh			
	Tỷ lệ sinh con thứ 3 đạt kế hoạch của tỉnh giao			
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đạt kế hoạch của tỉnh giao			
	Chỉ tiêu về tỷ lệ giới tính khi sinh			
	Chỉ tiêu về tỷ lệ sàng lọc sơ sinh, một số huyện làm			

	Chỉ tiêu về số người thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại trong năm			
5	HUẤN LUYỆN ĐÀO TẠO	1		
	- Có xây dựng kế hoạch chi tiết huấn luyện, đào tạo công tác dân số, công tác truyền thông GDSK. Triển khai thực hiện huấn luyện đào tạo cho cán bộ các khoa, phòng, cán bộ Trạm Y tế và cộng tác viên, y tế thôn, bản, đạt mục tiêu kế hoạch	1		
	- Kế hoạch chưa cụ thể, chi tiết, mục tiêu không rõ ràng, thực hiện chưa đạt mục tiêu kế hoạch hoặc không có kế hoạch.	0.5		
	Cộng	10		

II. Phòng chống sốt rét (10 điểm)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra	Điểm trừ
1	Tham mưu, thực hiện sự chỉ đạo của UBND cấp huyện	1			
1.1	Tham mưu cho UBND cấp huyện tổ chức chỉ đạo PCSR thể hiện qua Ban chỉ đạo PCSR, các văn bản chỉ đạo cho các chiến dịch PCSR trong năm - Xem văn bản, hợp đồng trách nhiệm PCSR	0,5			0,25
1.2	Tổ chức triển khai hội nghị tổng kết công tác PCSR năm trước, triển khai hoạt động năm nay (giao kinh phí, chỉ tiêu chuyên môn...) - Xem biên bản	0,5			0,25
2	Chỉ tiêu kế hoạch - Hoàn thành chỉ tiêu chuyên môn: 100% 90% - < 100% 80% - < 90% 70% - < 80% 60% - < 70%	3 3 2 1 0,5 0,25			
3	Thống kê báo cáo - Hoàn thành số liệu thống kê báo cáo theo mẫu và thời gian quy định gửi lên cấp trên báo cáo 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, năm và chất lượng báo cáo đầy đủ. + Nếu thiếu 1 báo cáo tháng + Nếu thiếu 1 báo cáo quý + Nếu thiếu 1 báo cáo năm	3			0,5 0,5 1
4	Chỉ đạo của TTYT về công tác PCSR	3			
4.1	TTYT có phân công người chuyên trách về công tác phòng chống sốt rét, có tổ chức bồi dưỡng chuyên môn về PCSR - Xem QĐ, biên bản lưu	0,5			0,25
4.2	TTYT có kế hoạch PCSR hàng tháng, quý, năm tổ chức thực hiện đạt mục tiêu, chỉ tiêu - Xem KH, biên bản thực hiện	0,5			0,25

4.3	Chỉ đạo tốt việc sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư, không để xảy ra thuốc quá hạn dùng, - <i>Kiểm tra thuốc tồn tại kho, văn bản hướng dẫn cho các đơn vị trong địa bàn huyện/thị</i>	0,5			0,25
4.4	Triển khai tốt công tác tuyên truyền PCSR trong 2 đợt chiến dịch và ngày thế giới PCSR 25/4 - <i>Xem báo cáo</i>	0,5			0,25
5	Có phác đồ điều trị SR theo quy định của Bộ Y tế, chỉ đạo triển khai thực hiện đúng phác đồ 2013 (Ban hành kèm theo Quyết định số 3232/QĐ – BYT ngày 30/8/2014 của Bộ Y tế). Có biểu, bản đồ theo dõi tình hình BNSR, KSTSR, dự báo dịch sớm... <i>Kiểm tra thực tế tại đơn vị, văn bản hướng dẫn...</i>	0,5			0,25
6	Có báo cáo thanh toán quyết toán kinh phí thuốc, vật tư, hóa chất PCSR hàng quý, năm. Sổ sách, cấp phát rõ ràng, chính xác, kịp thời. <i>(BC quyết toán)</i>	0,5			0,25
Cộng		10			

III. Phòng chống dịch bệnh (10 điểm)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
1	- Thực hiện giám sát thường xuyên (<i>giám sát véc tơ, giám sát ca bệnh...</i>) và quản lý chặt chẽ diễn biến tình hình các bệnh truyền nhiễm gây dịch; tổ chức triển khai các hoạt động phòng chống dịch bệnh. <i>(Báo cáo giám sát véc tơ, danh sách giám sát ca bệnh TN tuần, tháng, KH tổ chức phòng, chống dịch)</i> - Chất lượng công tác giám sát thập, quản lý, theo dõi chưa chặt chẽ. công tác thống kê báo cáo chưa đầy đủ trừ 1 điểm.	2.0		
	Chất lượng			
2	Có kế hoạch phòng chống dịch bệnh hàng năm, quý, tháng của địa phương. - <i>Có kế hoạch phòng chống dịch bệnh hàng năm</i> - <i>Có kế hoạch phòng chống dịch bệnh đột xuất (nếu địa phương có dịch)</i>	2.0 <i>1.0</i> <i>1.0</i>		
3	Quản lý chặt chẽ các ổ dịch cũ (<i>dịch SXH, tay chân miệng, cúm A(H5N1)...</i>), phát hiện kịp thời ổ dịch mới; tiến hành các biện pháp chuyên môn, kỹ thuật để ngăn chặn dịch phát sinh, lây lan. - <i>Có sổ (báo cáo), bản đồ theo dõi ổ dịch cũ và mới</i> - <i>Phát hiện và xử lý kịp thời các ổ dịch theo quy định (biên bản, kết quả xử lý dịch)</i>	2.0 <i>1.0</i> <i>1.0</i>		
4	Lập dự trù hàng năm về nhu cầu kinh phí, thuốc, hoá chất phục vụ cho công tác phòng chống dịch.	1.0		
5	Tổng hợp số liệu, lập bản đồ, biểu đồ các loại dịch bệnh tại địa phương.	1.0		
6	Triển khai thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia (<i>TCMR, SXH, nước sạch & VSMT</i>), các dự án liên quan về y tế dự phòng trên địa bàn, các chỉ tiêu thực hiện đạt:	1.0		

	- Trên 80%	1.0		
	- Từ 50-79%	0.5		
	- Dưới 50%	0.0		
7	Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tuần, tháng, quý, năm theo quy định (TT 54/2015/TT-BYT).	1.0		
	- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo BTN, đủ báo cáo (BC lưu)	1.0		
	- Thực hiện chưa nghiêm túc, thiếu báo cáo theo quy định (BC lưu)	0.5		
Cộng		10		

IV. Phòng chống HIV/AIDS (10 điểm)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
1	Công tác giám sát, tư vấn xét nghiệm	2,5		
1.1	Công tác giám sát	0,5		
	- Có thực hiện giám sát ≥ 2 lần/ năm	0,5		
	- Có thực hiện giám sát ≤ 2 lần / năm	0,3		
	- Không tổ chức	0		
1.2	Tư vấn xét nghiệm	1		
	a) Chỉ tiêu	0,5		
	- Đạt chỉ tiêu $\geq 90\%$	0,5		
	- đạt từ $70\% < 90\%$	0,3		
	- Đạt $< 70\%$	0		
	b) Nguyên tắc, quy trình	0,5		
	- Đúng quy trình thực hiện	0,5		
	- Sai một chỉ tiêu	-0,1		
1.3	Quản lý bệnh nhân	0,5		
	- Đạt $\geq 90\%$	0,5		
	- Đạt $< 90\%$	0,3		
1.4	Báo cáo	0,5		
	-Đầy đủ, chính xác, đúng quy định.	0,5		
	- Thiếu 1 tiêu chí	-0,1		
2	Chương trình can thiệp và giảm tác hại	1,5		
2.1	Chương trình bơm kim tiêm	0,5		
	- Có triển khai thực hiện	0,5		
	- Không triển khai	0		
2.2	Chương trình bao cao su	0,5		
	- Có thực hiện đầy đủ, thường xuyên, có theo dõi.	0,5		
	- Thiếu một tiêu chí	-0,1		
2.3	Tổ chức giám sát chương trình can thiệp giảm tác hại:	0,5		
	- Có tổ chức theo dõi quản lý	0,5		
	- Không tổ chức theo dõi quản lý	0		
	* Xem sổ sách, báo cáo			
3	Chương trình dự phòng lây truyền từ mẹ sang con.	1,5		
	- Có thực hiện điều trị lây truyền mẹ con.	0,5		
	- Không thực hiện	0		
	- Đạt chỉ tiêu 65% Phụ nữ có thai XNTN	0,5		
	- Đúng quy trình nguyên tắc	0,5		

	- Không đúng 1 tiêu chí trong quy trình	- 0,1		
4	Chương trình truyền Truyền thông (cộng điểm các mục)	2,5		
	- Tổ chức tốt ngày 1/6 chiến dịch tháng hành động LTMC.	0,5		
	- Tổ chức 1/12 ngày thế giới Phòng chống HIV/AIDS	0,5		
	- Thực hiện tốt công tác phối hợp...	0,5		
	- Tổ chức tuyên truyền, nói chuyện, các hình thức khác...	0,5		
	- Có triển khai phong trào toàn dân tham gia ngày phòng chống HIV/AIDS trong cộng đồng dân cư.	0,5		
5	Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn (Cộng điểm các mục)	1		
	- 100% CB chuyên ngành được tập huấn.	0,5		
	- Tổ chức tập huấn, nâng cao cho tuyến xã, phường	0,5		
	<i>* Xem kế hoạch kiểm tra thực tế</i>			
6	Chăm sóc và điều trị (Cộng các mục)	1		
	- Xây dựng được các nhóm giáo dục viên đồng đẳng	0,5		
	- Có tổ chức thăm hỏi, chăm sóc	0,5		
	Cộng			

V. An toàn vệ sinh thực phẩm (10 điểm)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
1	Công tác chỉ đạo:	1		
1.1	- Có Quyết định thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ); có quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ các thành viên BCD	0,5		
1.2	- Họp BCD 6 tháng 1 năm; Có biên bản và chỉ đạo của trưởng ban (bằng văn bản) sau mỗi cuộc họp.	0,5		
2	Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch	6,5		
2.1	Tổ chức tháng hành động:	1		
	Tổ chức Lễ phát động của huyện thị	1		
2.2	Công tác tổ chức, quản lý:	1,5		
	- Có kế hoạch cả năm đã được phê duyệt	0,5		
	- Có sổ thống kê cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh TP, cập nhật đầy đủ các thông tin. Phân loại điều kiện VSATTP các cơ sở (Không có sổ sách thống kê không cho điểm)	0,5		
	- Tổ chức, quản lý cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP đúng thẩm quyền, đúng quy trình. - Đảm bảo VSATTA ĐP theo 10 tiêu chí đạt > 60 % (Ghi chú: + Không đúng không cho điểm - Dưới 60% không cho điểm)	0,5		
2.3	Công tác Thông tin, Giáo dục và Truyền thông:	1		
	Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, hoạt động thường xuyên, hệ thống loa đài của xã, pano, áp phích...	0,5		

	Có lưu các bài viết, nội dung các bài tuyên truyền. <i>(Ghi chú: Quan sát, thực tế biên bản kiểm tra, bài viết còn lưu, không lưu không cho điểm)</i>	0,5		
2.4	Công tác tập huấn, đào tạo:	1		
	Tổ chức tốt các lớp tập huấn, nói chuyện chuyên đề	0,5		
	Cử cán bộ đi đào tạo nâng cao trình độ về các mặt (chuyên môn, ngoại ngữ, quản lý...) <i>(Xem xét giấy triệu tập học, sổ sách, chứng chỉ...)</i>	0,5		
2.5	Công tác chỉ đạo tuyến dưới:	0,5		
	- Phân công cán bộ theo dõi, chỉ đạo tuyến, triển khai kịp thời công tác bảo đảm ATVSTP các tuyến	0,5		
2.6	Công tác phối hợp liên ngành:	0,5		
	Có kế hoạch phối hợp liên ngành do BCD ban hành, có báo cáo kết quả cụ thể, đầy đủ của trưởng ban ngành cho BCD <i>(Không có kế hoạch phối hợp hoặc báo cáo chưa đầy đủ, không cho điểm)</i>	0,5		
2.7	Công tác kiểm tra, thanh tra:	1		
	- Có kế hoạch và tổ chức thanh kiểm tra liên ngành, tổ chức thanh kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch; Lập và lưu đầy đủ các biên bản kiểm tra, xử lý <i>(Không thực hiện hoặc không lưu biên bản, không cho điểm)</i>	0,5		
	Có biện pháp xử lý nghiêm các hành vi cố tình vi phạm: Cảnh cáo trên loa, đài hoặc phương tiện thông tin đại chúng, phạt tiền, hủy sản phẩm ... <i>(Không có hình thức xử lý không cho điểm)</i>	0,5		
3	Công tác xét nghiệm:	0,5		
	- Thực hiện được các XN cơ bản VSATTP theo yêu cầu quản lý, đảm bảo tối thiểu 50% tuyến xã làm được XN nhanh	0,5		
4	Công tác xử lý, điều tra, thống kê và báo cáo NĐTP:	0,5		
	- Có biện pháp xử trí kịp thời khi có ngộ độc thực phẩm xảy ra - Điều tra NĐTP đúng quy trình. - Theo dõi, thống kê, báo cáo đầy đủ, kịp thời	0,5		
5	Công tác sử dụng nguồn kinh phí:	0,5		
	- Kinh phí chương trình sử dụng đúng kế hoạch được phân bổ. - Có nguồn kinh phí địa phương hoặc kinh phí hỗ trợ từ các nguồn khác cho chương trình mục tiêu QG VSATTP <i>(Giải ngân dưới 90% không cho điểm; Có nguồn kinh phí đạt 0,5 điểm).</i>	0,5		
6	Công tác báo cáo sơ kết, tổng kết và tổ chức họp:	1		
6.1	Báo cáo đột xuất kịp thời theo yêu cầu của tuyến trên <i>(Chưa đáp ứng kịp thời, còn chậm, không cho điểm)</i>	0,5		
6.2	Tổ chức họp giao ban hàng tháng, quý, 6 tháng, năm.	0,5		
	Cộng	10		

VI. Y tế công cộng (05 điểm)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
1	Hướng dẫn vận động nhân dân xây dựng và sửa chữa các công trình vệ sinh như nhà tiêu, giếng nước, nhà tắm, chuồng gia súc theo các yêu cầu kỹ thuật; nắm được số lượng, chất lượng các loại công trình.	1		
2	Có và thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra chất lượng nước uống, nước sinh hoạt. Lấy mẫu gửi tuyến trên hoặc tự làm xét nghiệm đánh giá.	0,5		
3	Có hướng dẫn các đơn vị ở địa phương xã, cơ quan, công nông trường, xí nghiệp trên địa bàn huyện xử lý phân, nước, rác theo hướng dẫn kỹ thuật của tuyến trên.	0,5		
4	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn.	0,5		
5	Hướng dẫn kiểm tra đôn đốc thực hiện các quy định về vệ sinh và an toàn lao động trong các cơ sở y tế.	0,5		
6	Hướng dẫn nhân dân bảo quản, sử dụng và phòng chống nhiễm độc hóa chất bảo vệ thực vật.	0,5		
7	Phối hợp với các ngành chức năng tại địa phương kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước về bảo vệ sức khỏe người lao động.	0,5		
8	Thực hiện nghiêm túc báo cáo, thống kê đúng quy định.	0,5		
9	Triển khai thực hiện tốt chương trình mục tiêu y tế quốc gia, các dự án về sức khỏe môi trường, lao động, trường học, phòng chống tai nạn thương tích và phòng, chống bệnh nghề nghiệp trên địa bàn.	0,5		
	Cộng	5		

VII. Công tác xét nghiệm (05 điểm)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
1	Thực hiện các xét nghiệm cơ bản phục vụ cho công tác chuyên môn của trung tâm và y tế tuyến xã.	1		
2	Lấy mẫu và bảo quản mẫu xét nghiệm gửi tuyến trên theo quy định.	1		
3	Xét nghiệm trực tiếp trứng giun, sán, ly, amip, ký sinh trùng sốt rét, các xét nghiệm Iod và các xét nghiệm khác đã được Trung tâm y tế dự phòng tỉnh quy định.	1		

4	Nuôi cấy sơ bộ vi khuẩn để xác định nguồn tác nhân gây bệnh trong công tác phòng chống dịch, công tác kiểm tra vệ sinh theo quy định của Trung tâm YTDP bảo đảm yêu cầu kỹ thuật và kết quả xét nghiệm.	1		
5	Phối hợp với các khoa cận lâm sàng của các bệnh viện trên địa bàn huyện để triển khai các xét nghiệm phục vụ kịp thời công tác chuyên môn.	0,5		
6	Phòng xét nghiệm đã công bố đạt tiêu chuẩn ATSH cấp 2	0,5		
Cộng		5		

VIII. Khám chữa bệnh và phòng chống các bệnh xã hội (10 điểm)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
A	Tổ chức mạng lưới	1		
1	Đủ điều kiện thành lập phòng khám đa khoa (đã được thẩm định và có quyết định thành lập)	0,5		
2	Có phân công nhiệm vụ cho cán bộ viên chức theo đúng chuyên khoa.	0,25		
3	Có kế hoạch phân công cán bộ phụ trách công tác khám chữa bệnh, công tác phòng chống các bệnh xã hội theo từng xã, phường, thị trấn	0,25		
B	Công tác chuyên môn	9		
1	Lao	2,5		
	- 100 % các xã thực hiện DOTS đúng quy định	0,5		
	- 100 % có báo cáo đủ, chính xác có đủ số biểu đồ, sơ đồ bệnh Lao tại địa phương	0,25		
	- Có kế hoạch đi tuyến và phân công người đi tuyến giám sát đều hàng tháng (mỗi tháng GS ít nhất 2 xã)	0,25		
	- Tỷ lệ phát hiện > 70 %	0,5		
	- BN Lao bỏ trị > 3 %	-0,5		
	- 100 % BN Lao M (+) có kết quả XN kiểm soát đằm 1,2,3	0,5		
	- Số BN Lao M(+) được điều trị lành >85 %	0,25		
	- Tổ chức công tác tuyên truyền chống Lao tại cộng đồng	0,25		
2	Tâm thần	2,5		
	- Có giao chỉ tiêu và kế hoạch cho tuyến xã	0,5		
	- Có đủ báo cáo số liệu thống kê, chính xác, kịp thời, thực hiện chỉ đạo tuyến hàng tháng	0,5		
	- Có tổ chức thăm khám bệnh nhân, quản lý thuốc tại nhà	0,5		
	- 100 % BN có bệnh án được điều trị đủ liều, đúng thời gian	0,5		
	- Tuyên truyền trên đài truyền thanh xã, huyện.	0,5		
3	Da liễu	2		
	- Có báo cáo chuyên môn đầy đủ đúng hàng tháng, quý.	0,5		

	- Có sổ theo dõi người bệnh, địa chỉ rõ ràng, có lịch đi giám sát từng xã hàng tháng	0,5		
	- Bệnh lây qua đường tình dục phải có hồ sơ bệnh án đầy đủ. Có điều trị cho người đồng sàng.	0,25		
	- 100 % BN Phong có hồ sơ bệnh án, ghi chép đầy đủ, uống thuốc đủ liều, đúng thời gian.	0,5		
	- Tổ chức điều tra phát hiện phong tại cộng đồng.	0,25		
4	Mắt	2		
	- Có lịch và thực hiện chỉ đạo tuyến.	0,25		
	- Có đủ báo cáo số liệu thống kê chính xác, kịp thời.	0,25		
	- Có đủ sổ sách theo dõi bệnh về Mắt tại địa phương.	0,5		
	- 100 % người có bệnh Mắt được hướng dẫn điều trị đúng, không để xảy ra tai biến.	0,5		
	- > 80 % học sinh được khám, quản lý và điều trị mắt hột.	0,5		
	Cộng	10		

IV. Chăm sóc sức khỏe sinh sản (10 điểm)

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
1	Có kế hoạch hoạt động của khoa, phòng tháng, quý, năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt đúng thời gian theo quy định.	1		
2	Có đầy đủ sổ sách quản lý các chỉ số về CSSKSS và đánh giá thực trạng sức khỏe sinh sản trên địa bàn.	2		
3	Xây dựng và hoàn thành tốt kế hoạch giám sát và hỗ trợ về chuyên môn kỹ thuật đối với y tế tuyến xã, thực hiện theo hướng dẫn quốc gia về dịch vụ CSSKSS.	2		
4	Có kế hoạch và thực hiện chuyển giao việc cung cấp dịch vụ KHHGD, phòng chống nhiễm khuẩn đường sinh sản cho tuyến dưới.	1		
5	Sẵn sàng cung cấp các dịch vụ KHHGD, phòng chống các nhiễm khuẩn đường sinh sản cho người dân ngay tại trung tâm.	1		
6	Triển khai thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án về CSSKSS, phòng chống SDD trẻ em trên địa bàn.	2		
7	Thực hiện nghiêm túc báo cáo, thống kê theo đúng quy định.	1		
	Cộng	10		

PHẦN IV: CHẤM ĐIỂM THI ĐUA (2,5 điểm)

Đánh giá phong trào thi đua:

- Có phong trào thi đua của các khoa phòng
- + Trên 50% khoa phòng có sơ kết,

2,5 điểm

1 điểm

tổng kết, thi đua 6 tháng, cả năm	0,5 điểm
+ Dưới 50% khoa phòng thực hiện	0 điểm
- Có bình xét chiến sĩ thi đua, tổ lao động giỏi	01 điểm
+ 100% khoa phòng có sơ kết, tổng kết, thi đua 6 tháng, cả năm	1 điểm
+ Trên 70% khoa phòng thực hiện	0,75 điểm
+ 50%-69% khoa phòng thực hiện	0,5 điểm
+ Dưới 50% khoa phòng thực hiện	0 điểm
- Xây dựng đoàn thể vững mạnh, đạt danh hiệu thi đua:	0,5 điểm
+ Đảng bộ hoặc chi bộ trong sạch vững mạnh	0,5 điểm
+ Không có phong trào	0 điểm

PHẦN V: CHẤM ĐIỂM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN (XÃ) (5 điểm)

Cơ cấu điểm như sau : Căn cứ kết quả kiểm tra Y tế tuyến xã năm 2019 (nếu đơn vị nào chưa hoàn thành việc kiểm tra năm 2019 tại thời điểm kiểm tra thì lấy kết quả kiểm tra năm 2018).

Tổng điểm trung bình = Tổng điểm kiểm tra Y tế xã/ Tổng số xã.

Tổng điểm trung bình của bảng điểm chuẩn Quốc gia về Y tế xã	Điểm y tế xã
Từ 90 điểm trở lên	5
Từ 80 đến dưới 90 điểm	4
Từ 70 đến dưới 80 điểm	3
Từ 60 đến dưới 70 điểm	2
Dưới 60 điểm	1
Không kiểm tra y tế xã hoặc kiểm tra không đạt 100%	1

PHẦN VI: ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KIỂM TRA

I. Tổng hợp kết quả kiểm tra:

TT	Nội dung	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm kiểm tra
Phần 1. Cơ sở hạ tầng		10		
Phần 2. Công tác kế hoạch tài chính và thực hiện nhiệm vụ được giao năm 2019		2,5		
Phần 3. Công tác chuyên môn		80		
1	Dân số và Truyền thông Giáo dục Sức khỏe	10		
2	Phòng chống sốt rét	10		
3	Phòng chống dịch bệnh	10		
4	Phòng chống HIV/AIDS	10		
5	An toàn vệ sinh thực phẩm	10		

6	Y tế công cộng	05		
7	Xét nghiệm	05		
8	Khám chữa bệnh và Quản lý các bệnh xã hội	10		
9	Chăm sóc sức khỏe sinh sản	10		
Phần 4. Công tác thi đua		2,5		
Phần 5. Chấm điểm Y tế xã		05		
Tổng cộng		100		

II. Xếp loại

Tổng điểm kiểm tra	Kết quả kiểm tra	Xếp loại
Từ 90 điểm trở lên		Tốt
Từ 80 đến dưới 90 điểm		Khá
Từ 70 đến dưới 80 điểm		Hoàn thành nhiệm vụ
Dưới 70 điểm		Không hoàn thành nhiệm vụ

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

PHÂN CÔNG KIỂM TRA CHÉO TRUNG TÂM Y TẾ CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Kèm theo kế hoạch **2293/KH-SYT** ngày 20/11/2019)



Cụm thi đua	Đơn vị kiểm tra	Đơn vị được kiểm tra
Cụm thi đua số 5	Trung tâm Y tế Hà Trung	Trung tâm Y tế Tĩnh Gia
	Trung tâm Y tế Nga Sơn	Trung tâm Y tế TX. Bìn Sơn
	Trung tâm Y tế Hậu Lộc	Trung tâm Y tế TP. Sầm Sơn
	Trung tâm Y tế Hoằng Hóa	Trung tâm Y tế Quảng Xương
	Trung tâm Y tế Quảng Xương	Trung tâm Y tế Hà Trung
	Trung tâm Y tế TP. Sầm Sơn	Trung tâm Y tế Nga Sơn
	Trung tâm Y tế TX. Bìn Sơn	Trung tâm Y tế Hậu Lộc
	Trung tâm Y tế Tĩnh Gia	Trung tâm Y tế Hoằng Hóa
Cụm thi đua số 7	Trung tâm Y tế TP. Thanh Hóa	Trung tâm Y tế Triệu Sơn
	Trung tâm Y tế Vĩnh Lộc	Trung tâm Y tế Nông Cống
	Trung tâm Y tế Thọ Xuân	Trung tâm Y tế Yên Định
	Trung tâm Y tế Đông Sơn	Trung tâm Y tế Thiệu Hóa
	Trung tâm Y tế Thiệu Hóa	Trung tâm Y tế TP. Thanh Hóa
	Trung tâm Y tế Yên Định	Trung tâm Y tế Vĩnh Lộc
	Trung tâm Y tế Nông Cống	Trung tâm Y tế Thọ Xuân
	Trung tâm Y tế Triệu Sơn	Trung tâm Y tế Đông Sơn
Cụm thi đua số 9	Trung tâm Y tế Thường Xuân	Trung tâm Y tế Cẩm Thủy
	Trung tâm Y tế Thạch Thành	Trung tâm Y tế Bá Thước
	Trung tâm Y tế Quan Hóa	Trung tâm Y tế Mường Lát
	Trung tâm Y tế Quan Sơn	Trung tâm Y tế Lang Chánh
	Trung tâm Y tế Ngọc Lặc	Trung tâm Y tế Như Xuân
	Trung tâm Y tế Như Thanh	Trung tâm Y tế Thường Xuân
	Trung tâm Y tế Như Xuân	Trung tâm Y tế Thạch Thành
	Trung tâm Y tế Lang Chánh	Trung tâm Y tế Quan Hóa
	Trung tâm Y tế Mường Lát	Trung tâm Y tế Quan Sơn
	Trung tâm Y tế Bá Thước	Trung tâm Y tế Ngọc Lặc
	Trung tâm Y tế Cẩm Thủy	Trung tâm Y tế Như Thanh